

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2021/KDTM-ST**
Ngày 03/02/2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vương Thị Lan**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lý Thị Nhân**

2. Bà **Nguyễn Thị Hiền**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Triệu Thị Thúy Tình** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Hải Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2020/TLST-KDTM ngày 08/6/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐST-KDTM ngày 14/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-KDTM ngày 13/01/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty TNHH G**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Bình An, xã Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kha Lương P, chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Đại diện theo uỷ quyền: Công ty luật TNHH MTV Quốc Cường thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ: Khu dân cư Lý Thái Tổ, tổ 32, phường Phan Thiết, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang) do ông Vũ Quang B và ông Ngô Việt Thắng là người đại diện tham gia tố tụng.

*** Bị đơn: Công ty TNHH T**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Bãi Búi, xã Q (nay là thị trấn L) huyện L, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn H - Chức vụ: Giám đốc

Ông Vũ Quang B có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn – Công ty TNHH G trình bày: Ngày 02/8/2018, Công ty TNHH G (Bên mua) và Công ty TNHH T (Bên bán) ký kết hợp đồng kinh tế số XGY 1808-01 với những nội dung: Công ty TNHH T bán cho Công ty TNHH G hàng hóa là Than cám 3a, khối lượng 2000 tấn, đơn giá 3.350.000 đồng/tấn, Bên mua tạm ứng 500 tấn tương ứng số tiền là 1.675.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) khấu trừ vào tiền hàng đợt giao hàng cuối cùng.

- Ngày 17/8/2018, Công ty TNHH G đã chuyển đủ số tiền tạm ứng là 1.675.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) cho Công ty TNHH T theo Phiếu duyệt chuyển khoản ngày 17/8/2018.

- Ngày 30/7/2018, Công ty TNHH G nhập kho 201,662 tấn quặng từ Công ty TNHH T bằng với số tiền là 658.325.600 (*Sáu trăm năm mươi tám triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng*).

- Ngày 08/4/2019, Công ty TNHH G nhận được hóa đơn VAT với số hàng trên. Sau đó, Công ty TNHH T không tiếp tục giao hàng đúng theo thỏa thuận cho Công ty TNHH G mà không có lý do.

Từ ngày 09/4/2019 Công ty TNHH T có Công văn số 18/CV-TV về việc gia hạn hoàn tiền tạm ứng làm hai giai đoạn: Giai đoạn 1 thanh toán 500.000.000 đồng vào 06/2019; Giai đoạn 2 thanh toán số tiền còn lại là: 516.674.400 đồng vào tháng 12/2019. Hết thời hạn xin gia hạn trên cho đến nay, Công ty TNHH T không giao hàng, cũng không hoàn trả số tiền tạm ứng còn lại cho Công ty TNHH G.

Công ty TNHH G đã nhiều lần điện thoại đề nghị Công ty TNHH sản xuất và thương mại Tuấn Vinh hoàn trả lại số tiền đã nhận tạm ứng là 1.016.674.400 đồng (*Một tỷ, không trăm mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, bốn trăm đồng*), Công ty TNHH T nhất trí trả lại số tiền đã nhận tạm ứng nhưng không giao hàng: Nhưng lấy lý do có khó khăn về tài chính, hẹn nhiều lần nhưng đến hạn vẫn không trả.

Đề nghị Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Công ty TNHH T hoàn trả số tiền đã nhận tạm ứng là 1.016.674.400 đồng (*Một tỷ, không trăm mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, bốn trăm đồng*) cho Công ty TNHH G.

- Yêu cầu Công ty TNHH T trả lãi đối với số tiền tạm ứng từ ngày 30/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất trung bình thời điểm làm đơn của 03 ngân hàng tại Tuyên Quang là 11%/năm. Tạm tính để nền ngày làm đơn là: 1.016.674.400 đồng x 11%/năm x 150% x 19 tháng 13 ngày = 272.595.824 đồng (*Hai trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm hai mươi tư đồng*).

Tổng số tiền phải trả là: 1.289.270.224 (*Một tỷ, hai trăm tám mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, hai trăm hai mươi tư đồng*).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi các văn bản tố tụng triệu tập (bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện hoặc niêm yết theo quy định) người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T đến Tòa án làm việc nhưng Công ty TNHH T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án

nhân dân thành phố T đã tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ và niêm yết các văn bản tố tụng theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - Công ty TNHH G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về khoản tiền gốc đề nghị Toà án buộc Công ty TNHH T phải trả số tiền đã nhận tạm ứng là 1.016.674.400 đồng (*Một tỷ, không trăm mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, bốn trăm đồng*) cho Công ty TNHH G, yêu cầu thanh toán lãi suất chậm trả với mức 11%/năm từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/02/2021 là 13 tháng, cụ thể: $1.016.674.400 \text{ đồng} \times 11\% / \text{năm} \times 13 \text{ tháng} = 121.153.699 \text{ đồng}$ (*Một tỷ, không trăm mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, bốn trăm đồng x 11%/năm x 13 tháng = 121.153.699 đồng*); Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi suất là: $1.016.674.400 \text{ đồng} + 121.153.699 \text{ đồng} = 1.137.828.099 \text{ đồng}$ (*Một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm hai mươi tám nghìn không trăm chín mươi chín đồng*).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch của vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ngày 08/6/2020, Tòa án nhân thành phố T thụ lý vụ án số 08/2020/TLST-KDTM theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH G, người bị kiện là Công ty TNHH T và xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng

mặt không có lý do. Hội đồng xét vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều thể hiện: Ngày 02/8/2018, Công ty TNHH G (Bên mua) và Công ty TNHH T (Bên bán) ký kết hợp đồng kinh tế số XGY 1808-01 với những nội dung: Công ty TNHH T bán cho Công ty TNHH G hàng hóa là Than cám 3a, khối lượng 2000 tấn, đơn giá 3.350.000 đồng/tấn, Bên mua tạm ứng 500 tấn tương ứng số tiền là 1.675.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) khấu trừ vào tiền hàng đợt giao hàng cuối cùng. Công ty TNHH G đã chuyển đủ số tiền tạm ứng là 1.675.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) cho Công ty TNHH T; Ngày 30/7/2018, Công ty TNHH G nhập kho 201,662 tấn quặng từ Công ty TNHH T bằng với số tiền là 658.325.600 (*Sáu trăm năm mươi tám triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng*). Sau đó, Công ty TNHH T không tiếp tục giao hàng đúng theo thỏa thuận cho Công ty TNHH G mà không có lý do. Công ty TNHH T có Công văn về việc gia hạn hoàn tiền tạm ứng làm hai giai đoạn: Giai đoạn 1 thanh toán 500.000.000 đồng vào 06/2019; Giai đoạn 2 thanh toán số tiền còn lại là: 516.674.400 đồng vào tháng 12/2019. Hết thời hạn xin gia hạn trên cho đến nay, Công ty TNHH T không giao hàng, cũng không hoàn trả số tiền tạm ứng còn lại cho Công ty TNHH G.

Công ty TNHH G yêu cầu Công ty TNHH sản xuất và thương mại Tuấn Vinh hoàn trả số tiền đã nhận tạm ứng là 1.016.674.400 đồng (*Một tỷ, không trăm mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, bốn trăm đồng*) cho Công ty TNHH G, yêu cầu thanh toán lãi suất chậm trả với mức 11%/năm từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/02/2021 là 13 tháng, cụ thể: Cụ thể: 1.016.674.400 đồng (*Một tỷ, không trăm mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, bốn trăm đồng*) x 11%/năm x 13 tháng = 121.153.699 đồng (*Một trăm hai mươi một triệu, một trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng*); Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi suất là: 1.016.674.400 đồng + 121.153.699 đồng = 1.137.828.099 đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm hai mươi tám nghìn không trăm chín mươi chín đồng*). Sau khi xem xét, đánh giá các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng kinh tế số XGY 1808 -01 ngày 02/8/2018, giữa bên mua là công ty TNHH Gang Thép Tuyên Quang bên bán là Công ty TNHH T; Quyết định số 114/QTTQ ngày 07/5/2018 về việc bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc công ty đối với ông Phan Kiêm Vân); Giấy xác nhận giao dịch số 20201028003 ngày 28/10/2020 của Phó phòng giao dịch Bùi Thu Hương - Ngân hàng INDUSTRIAL AND COMMERCIAL BANK OF CHINA LIMITED chi nhánh thành phố Hà Nội, số tiền giao dịch 1.675.000.000 đồng; Phiếu chuyển khoản ngày 22/8/2018; Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000635 ngày 08/4/2019 của Công ty TNHH T, liên 2 và Kết quả thu thập chứng cứ do Ngân hàng Industrial and Commercial Bank of China Limited chi nhánh thành Phố Hà Nội cung cấp, đủ căn cứ xác định: Có việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hoá giữa Công ty TNHH G và Công ty cổ phần Việt Nam Trung Hoa. Về việc thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH G đã thực hiện việc chuyển trước cho Công ty TNHH T số tiền 1.675.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng*), Công ty TNHH T đã giao hàng

Công ty TNHH G 201,662 tấn quặng tương ứng với số tiền là 658.325.600 (*Sáu trăm năm mươi tám triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng*). Sau đó hợp đồng giữa hai bên không được tiếp tục thực hiện do phía Công ty TNHH T không giao hàng cho Công ty TNHH G. Thời điểm này phát sinh thoả thuận mới giữa hai công ty về việc hoàn trả tiền tạm ứng mua hàng mà phía Công ty TNHH T đã nhận (có trừ đi giá trị của số lượng hàng mà phía Công ty TNHH G đã nhận) thì số tiền còn là 1.016.674.400 đồng (*Một tỷ, không trăm mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, bốn trăm đồng*). Thoả thuận mới này được các bên thực hiện thể hiện bằng việc từ ngày 09/4/2019 Công ty TNHH T có Công văn số 18/CV-TV về việc gia hạn hoàn tiền tạm ứng làm hai giai đoạn: Giai đoạn 1 thanh toán 500.000.000 đồng vào 06/2019; Giai đoạn 2 thanh toán số tiền còn lại là: 516.674.400 đồng vào tháng 12/2019. Hết thời hạn xin gia hạn trên cho đến nay, Công ty TNHH T không giao hàng, cũng không hoàn trả số tiền tạm ứng còn lại cho Công ty TNHH G. Vì vậy xác định khoản tiền nợ gốc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 1.016.674.400 đồng (*Một tỷ, không trăm mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, bốn trăm đồng*) cho đến nay Công ty TNHH T vẫn chưa thanh toán số tiền này nên buộc phải hoàn trả và lãi suất chậm trả cho Công ty TNHH G.

Về yêu cầu tính lãi suất chậm trả: Công ty TNHH G đề nghị Công ty TNHH T phải trả lãi 11%/năm đối với số tiền 1.016.674.400 đồng (*Một tỷ, không trăm mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, bốn trăm đồng*) kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/02/2021 là 13 tháng. Toà án thành phố T đã tiến hành xác minh lãi suất đang được áp dụng thực hiện trong tháng 01/2021 của 03 Ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố T, chia lãi suất trung bình chung là 11,23%/năm. Xét đề nghị tính lãi suất của Công ty TNHH G không vượt quá lãi suất đã xác minh nên chấp nhận.

Từ các phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G về việc buộc Công ty TNHH T phải hoàn trả số tiền gốc 1.016.674.400 đồng (*Một tỷ, không trăm mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, bốn trăm đồng*) và tiền lãi suất chậm trả từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/02/2021. Cụ thể: 1.016.674.400 đồng (*Một tỷ, không trăm mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, bốn trăm đồng*) x 11%/năm x 13 tháng = 121.153.699 đồng;

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi suất là: 1.016.674.400 đồng + 121.153.699 đồng = 1.137.828.099 đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm hai mươi tám nghìn không trăm chín mươi chín đồng*).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn - Công ty TNHH G được chấp nhận nên bị đơn - Công ty TNHH T phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch của vụ án là 46.134.843 đồng (*Bốn mươi sáu triệu một trăm ba mươi tư nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng*). Nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280 và Điều 281 của Bộ luật dân sự; Điều 24, Điều 35, Điều 37, Điều 50, Điều 55, Điều 56 và Điều 306 của Luật thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH G; Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty TNHH G tổng số tiền: 1.137.828.099 đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm hai mươi tám nghìn không trăm chín mươi chín đồng*), trong đó tiền gốc 1.016.674.400 đồng (*Một tỷ, không trăm mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, bốn trăm đồng*) và tiền lãi là 121.153.699 đồng (*Một trăm hai mươi một triệu một trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Bị đơn - Công ty TNHH T phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch của vụ án là 46.134.843 đồng (*Bốn mươi sáu triệu một trăm ba mươi tư nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng*). Nguyên đơn không phải chịu án phí; Trả lại cho Công ty TNHH G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.785.405 đồng (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm linh năm đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000424 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Nguyên đơn - Công ty TNHH G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 03/02/2021; Bị đơn - Công ty TNHH T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Nhân – Nguyễn Thị Hiên

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lê Thị Thảo – Nguyễn Trường Giang

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Lan

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan

